

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HS-ST
Ngày 27 - 6 - 2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Thẩm phán: Ông Trần Minh Tấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quốc Văn

Ông Trần Thanh Hùng

Ông Huỳnh Mậu Thìn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Đoàn Anh Tuấn và bà Lê Huyền Mao, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HS ngày 13/6/2023 đối với các bị cáo:

1. **Bị cáo T**, sinh ngày 05/9/1987 tại thành phố C, tỉnh Cà Mau; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: Ấp A, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; nghề nghiệp: Mua bán; họ tên cha: U, sinh năm 1957; họ tên mẹ: T, sinh năm 1957; anh, chị, em ruột gồm có 08 người: lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1997; chung sống như vợ chồng với L, sinh năm 1974 (không đăng ký kết hôn); tiền sự: Không; tiền án: 01 tiền án, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2013/HS-ST, ngày 21/5/2013 Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau, xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 04/10/2013, chưa nộp án phí. Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2012/HS-ST, ngày 02/10/2012 Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau, xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 21/4/2009 Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc 12 tháng về hành vi gây rối, ngày 21/10/2010 Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc 12 tháng về hành vi

gây rối. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 02/12/2022 đến ngày 05/12/2022 chuyển tạm giam đến nay, (có mặt).

2. Bị cáo H; sinh ngày 01/01/1991 tại huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; nơi cư trú: Ấp A, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; nghề nghiệp: Làm thuê; họ tên cha: T, sinh năm 1963; họ tên mẹ: Y, sinh năm 1962; anh, chị, em ruột: Không; vợ: H, sinh năm 1993 (đã ly hôn năm 2022); con có 02 người, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo T: Ông N, là Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư M, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo H: Ông T, Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

- *Bị hại:*

+ H, sinh năm 1991 (là bị hại trong vụ giết người) (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu;

+ Q, sinh năm 1958, (là bị hại trong vụ cố ý gây thương tích).

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Q: Ông T, Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

+ T, sinh năm 1987 (là bị hại trong vụ cố ý gây thương tích).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: Ấp C, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Y, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp A, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do mâu thuẫn từ việc buôn bán rau giữa T và Q, nên vào khoảng hơn 15 giờ, ngày 02/12/2022, sau khi uống rượu H (H là bạn với L con của Q) cùng với T đến sạp bán rau của T giải quyết mâu thuẫn. Tại đây, H dùng lời lẽ thô tục, cự cãi với T và cả hai thách thức đánh nhau. H nhào đến định đánh T thì L (vợ T) can ngăn, H dùng tay đánh vào mặt L một cái nhưng không gây thương tích gì, thì bị cáo T lấy 01 cây (con) dao tự chế bằng kim loại dài 47cm để sẵn ở sạp bán rau chém H nhưng không trúng, H chạy ra quán nước ở gần đó (của Y), lấy 02 ly thủy tinh (loại ly dùng uống nước) quay lại ném 01 ly trúng vào vùng đầu của T gây thương tích, thì T cầm dao rượt đuổi chém H, H chạy đến quán nước thì ném 01 ly còn lại về hướng của T nhưng không trúng, do T dùng dao đỡ làm vỡ ly, H bỏ chạy vào trong quán nước thì bị trượt ngã, thì T cầm dao bằng tay trái chém liên tiếp vào người của H, H lấy ghế

nhựa đỡ, rồi bỏ chạy thoát thân đến đoạn gần giữa lộ (cách quán nước khoảng 10m), T tiếp tục cầm dao rượt đuổi chém liên tiếp nhiều nhát trúng vào người H và H nằm gục xuống mặt đường hai tay ôm đầu, trong tình trạng mất khả năng phản kháng, T tiếp tục cầm dao bằng hai tay chém liên tiếp nhiều nhát từ trên xuống trúng vào vùng đầu, ngực, tay, chân của H cho đến khi H nằm bất tỉnh, nghĩ rằng H đã chết nên T dừng lại; ngay sau đó T cầm dao đi vào sạp bán rau của bị hại Q, T dùng dao chém 01 nhát trúng vào lòng bàn tay trái của bà Q gây thương tích, làm gãy xương đứt lia khớp cổ tay, đốt bàn tay các ngón I-V tay trái. Bị cáo T cầm dao đi về sạp rau của bị cáo thì lực lượng Công an có mặt tại hiện trường lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ cùng với tang vật cây dao.

Bị hại H, Q được đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu do thương tích nặng nên chuyển đến điều trị tại Bệnh viện đa khoa Trung ương Cần Thơ.

Bị cáo T cũng bị thương tích và ngày 15/02/2023 có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với H, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự.

Tại Bản kết luận giám định Pháp y về thương tích số: 49/KLTTCT-TTPY, ngày 22/3/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Bạc Liêu, đối với H: Một vết thương đã thành sẹo ở vùng cằm phải, tỷ lệ 02%, cơ chế hình thành thương tích là do vật sắc tác động từ sau ra trước; một sẹo ở vành tai phải, không co rúm, tỷ lệ 02%, cơ chế hình thành thương tích là do vật sắc tác động từ phải qua trái; một sẹo ở ngực phải, tỷ lệ 01%, cơ chế hình thành thương tích là do vật sắc tác động từ trước ra sau; một sẹo ở vai trái, tỷ lệ 02%; một sẹo ở mặt mu đốt gần ngón II bàn tay trái, tỷ lệ 01%; một sẹo ở đốt xa ngón III bàn tay trái, tỷ lệ 01%; một sẹo ở 1/3 giữa ngoài cánh tay trái, tỷ lệ 02%; một sẹo ở 1/3 trên ngoài đùi trái (mông trái), tỷ lệ 02%; một vết thương đã thành sẹo ở 1/3 giữa trước ngoài cẳng chân trái, tỷ lệ 02%. Cơ chế hình thành các thương tích là do vật sắc tác động từ trái qua phải; nứt sọ vùng cằm hai bên - thái dương phải, chiều dài đường nứt 9,4cm, điện não không có ổ tổn thương tương ứng, tỷ lệ 18%, cơ chế hình thành thương tích là do vật sắc tác động từ sau ra trước; gãy kín 1/3 giữa xương mác chân trái, can tốt, tỷ lệ 04%. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của H tại thời điểm giám định là 32%.

Tại Bản kết luận giám định Pháp y về thương tích số: 33/TgT, ngày 21/02/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Bạc Liêu, đối với Q: Một vết thương đã thành sẹo ở mu bàn tay-lòng bàn tay trái, tỷ lệ 02%; gãy xương bàn ngón I, II, III, IV, V bàn tay trái, tỷ lệ 16%; tổn thương nhánh thần kinh quay đã phẫu thuật khâu nối, tỷ lệ 11%; tổn thương nhánh thần kinh trụ, đã phẫu thuật khâu nối, tỷ lệ 11%; tổn thương nhánh thần kinh giữa, đã phẫu thuật khâu nối, tỷ lệ 11%; đứt động mạch cung bàn tay trái đã khâu nối phục hồi (theo Thông tư 22 không quy định tỷ lệ). Cơ chế hình thành thương tích là do vật sắc tác động từ trái qua phải. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 44%.

Bản kết luận giám định Pháp y về thương tích số: 15/TgT, ngày 30/12/ 2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Bạc Liêu, đối với T: Một sẹo ở vùng cằm, tỷ lệ 02%; cơ chế hình thành thương tích là do vật tày tác động từ sau ra trước.

Về vật chứng thu giữ: 01 (một) con dao tự chế bằng kim loại, tổng chiều dài 47cm, cán dao làm bằng gỗ dài 17cm, trên cán dao có quần vải màu xám; lưỡi dao dài 30cm có một cạnh cùn và một cạnh sắc bén, nơi rộng nhất 07cm, nơi hẹp nhất 04cm. Trên lưỡi dao có in dòng chữ “MEDIA IN JAPAN”; 05 (năm) mảnh vỡ thủy tinh không rõ hình dạng; 01 (một) nón vải màu đen; 01 (một) mảnh vải thun bông màu trắng đỏ xậm, kích thước 01m x 1,80m; 01 (một) áo sơ mi dài tay màu trắng, có sọc ngang màu vàng - đen, trên cổ áo có chữ “RM – 79”, trên vùng cổ áo có dính chất màu đỏ (nghỉ là máu) và 01 (một) quần dài bằng vải thun màu đen, phía trước bên trái có dòng chữ “Jeanswestt”.

Về trách nhiệm dân sự:

H yêu cầu bị cáo T bồi thường 27.445.467 đồng, bao gồm chi phí điều trị 12.445.467 đồng và tiền bù đắp tổn thất tinh thần 15.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý với số tiền trên, đã tác động gia đình khắc phục cho H 1.000.000 đồng, đồng ý bồi thường tiếp 26.445.467 đồng.

Q yêu cầu bị cáo T bồi thường 56.710.512 đồng, bao gồm chi phí điều trị 5.310.512 đồng; tiền ăn của người bệnh, tiền công lao động người nuôi bệnh 1.400.000 đồng và tiền bù đắp tổn thất tinh thần 50.000.000 đồng. Bị cáo T đồng ý bồi thường, đã tác động gia đình khắc phục cho bị hại Q 1.000.000 đồng, đồng ý bồi thường tiếp 55.710.512 đồng.

T đã nhận bồi thường từ H 500.000 đồng.

Tại Cáo trạng số:16/CT-VKS-P1, ngày 27/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, truy tố bị cáo T phạm tội “Giết người”, theo quy định tại điểm e, n khoản 1 Điều 123 và phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo H phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng truy tố. H xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T, không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường thêm thiệt hại trong vụ giết người; T tự nguyện rút yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo H về hành vi gây thương tích cho T; bị hại Q xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T trong vụ gây thương tích cho bị hại Q.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố, giữ nguyên phân cáo trạng truy tố đối với bị cáo T, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo T phạm tội “Giết người” và tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm e, n khoản 1 Điều 123, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 15, khoản 1, khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T phạm tội “Giết người” mức án tù 13 đến 14 năm tù; áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm

h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T phạm tội “Cố ý gây thương tích” mức án từ 06 đến 07 năm tù. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội là từ 19 đến 21 năm tù. Rút một phần quyết định truy tố đối với hành vi phạm tội Cố ý gây thương tích của bị cáo H, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 155, Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ vụ án đối với bị cáo H. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bị cáo T bồi thường 56.710.512 đồng cho bị hại Q, bao gồm chi phí điều trị 5.310.512 đồng; tiền ăn của người bệnh, tiền công lao động người nuôi bệnh 1.400.000 đồng và tiền bù đắp tổn thất tinh thần 50.000.000 đồng, đã bồi thường 1.000.000 đồng, còn bồi thường tiếp 55.710.512 đồng. Vật chứng, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T trình bày cho rằng: Luật sư thống nhất như truy tố và đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử khi lượng hình, cân nhắc xem xét trong vụ án giết người bị hại cũng có lỗi, bị hại không yêu cầu bồi thường tiếp, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với tội “Cố ý gây thương tích”, bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường thiệt hại, gia đình có công nên đề nghị xử bị cáo T mức án thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo H và bị hại Q trình bày: Đề nghị đình chỉ vụ án đối với bị cáo H do bị hại đã rút yêu cầu. Đối với bị hại Q yêu cầu bồi thường 56.710.512 đồng, đã bồi thường 1.000.000 đồng, còn bồi thường tiếp 55.710.512 đồng, bị cáo T đồng ý bồi thường tiếp, đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo T và ghi nhận bị hại Q xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Tại phiên tòa, bị cáo T, bị cáo H xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T khi nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và Luật sư bào chữa cho các bị cáo không có khiếu nại về hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, nên hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Kết luận giám định, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ, bản ảnh..., Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Với bản tính hung hăng, côn đồ, ý thức xem thường pháp luật, tính mạng, sức khỏe của người khác, từ việc mâu thuẫn

giữa T và bà Q trong việc mua bán rau. khoảng hơn 15 giờ, ngày 02/12/2022 tại Trung tâm thương mại thuộc ấp A, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; bị cáo T đã dùng dao là hung khí nguy hiểm tấn công liên tục, chém nhiều nhất trúng vào vùng đầu, ngực, tay, chân của bị hại H cho đến khi bất tỉnh, (gây ra các vết thương chấm phải 15cm, lộ xương sọ, chảy máu nhiều; nứt sọ chằm hai bên, thái dương phải, tụ dịch khí bào chằm phải, tụ khí nội sọ; vết thương ngực phải 2cm và nhiều vết thương ở tay và chân), giám định tỷ lệ thương tích 32%. Đồng thời ngay sau đó bị cáo T dùng dao chém 01 nhát trúng vào lòng bàn tay trái của bà Q làm gãy xương đứt lia khớp cổ tay, đứt bàn tay các ngón I-V tay trái.

Mặc dù bị hại H không chết, nhưng vùng đầu, ngực là vùng trọng yếu của cơ thể buộc bị cáo T phải nhận thức được có thể và tất yếu dẫn đến tước đoạt tính mạng của bị hại, thấy trước hậu quả chết người có thể xảy ra nhưng vẫn cố tình thực hiện là lỗi cố ý trực tiếp; bị hại không chết là do nguyên nhân khách quan ngoài ý muốn của người phạm tội, do được cấp cứu kịp thời, nên bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Giết người” trong giai đoạn phạm tội chưa đạt với các tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Giết người mà liền ngay sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng” và “Có tính chất côn đồ”, vì ngay sau khi thực hiện hành vi với H, bị cáo T tiếp tục dùng dao là hung khí nguy hiểm chém 01 nhát trúng vào lòng bàn tay trái của bị hại Q thương tích giám định tỷ lệ 44%. Hành vi chém bị hại Q chỉ chém 01 nhát trúng vào tay trái của bà Q, đã chủ động dừng lại, không muốn tước đoạt tính mạng của người bị hại; đồng thời vị trí tấn công là bàn tay trái của bị hại không phải là vùng trọng yếu của cơ thể, hậu quả chết người khó có thể xảy ra, nên bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Cố ý gây thương tích”.

[3] Tại Điều 123 Bộ luật Hình sự quy định: Tội giết người “1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình: a, b, c, d, e) Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; n) Có tính chất côn đồ”.

Tại Điều 134 Bộ luật Hình sự quy định: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác “1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11%, nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: a) dùng hung khí nguy hiểm....i) phạm tội có tính chất côn đồ

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm; a) ...c) gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ a đến k khoản 1 Điều này;”

Hành vi của bị cáo T nêu trên đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” với hai tình tiết định khung tăng nặng là Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng và có tính chất côn đồ, quy định tại các điểm e, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự và phạm tội cố ý gây thương tích (đối với bị hại Quấn), theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

[4] Hội đồng xét xử kết luận bị cáo T phạm tội “Giết người” theo quy định tại điểm e, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự; phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo T là rất nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại tính mạng, sức khỏe của bị hại mà còn gây hoang mang, lo lắng trong nhân dân với hành xử thanh toán lẫn nhau kiểu côn đồ ngay tại khu vực chợ có đông người; đồng thời làm mất an ninh trật tự tại địa phương, nên cần phải xử lý nghiêm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới đủ giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét bị cáo T phạm tội giết người là đặc biệt nghiêm trọng; tội cố ý gây thương tích là rất nghiêm trọng, bị cáo phạm tội có tiền án, là tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường một phần thiệt hại, gia đình có công, bị hại trong vụ giết người không chết là phạm tội chưa đạt và bị hại có một phần lỗi, các bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 15, 57 của Bộ luật Hình sự như đề nghị của Viện kiểm sát và Luật sư bào chữa cho bị cáo.

[6] Bị cáo H có hành vi dùng 01 ly thủy tinh là hung khí nguy hiểm ném trúng vào đầu của T gây thương tích giám định tỷ lệ 02%, là phạm tội Cố ý gây thương tích với tình tiết định khung dùng hung khí nguy hiểm và có tính chất côn đồ, theo quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa T tự nguyện rút yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với H. Viện kiểm sát đã rút một phần quyết định truy tố đối với hành vi phạm tội Cố ý gây thương tích của bị cáo H và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 155, Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ vụ án đối với bị cáo H. Xét thấy, việc bị hại T rút yêu cầu khởi tố vụ án đối với bị cáo H, không bị ép buộc do tự nguyện, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị hại H không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường tiếp chi phí thiệt hại, nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không đặt ra xem xét.

Bị hại Q yêu cầu bị cáo T bồi thường 56.710.512 đồng, bao gồm chi phí điều trị 5.310.512 đồng; tiền ăn của người bệnh, tiền công lao động người nuôi bệnh 1.400.000 đồng và tiền bù đắp tổn thất tinh thần 50.000.000 đồng, bị cáo đồng ý, đã tác động gia đình khắc phục cho bị hại Q 1.000.000 đồng, đồng ý còn phải bồi thường 55.710.512 đồng, nên ghi nhận và buộc bị cáo bồi thường.

[8] Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao tự chế bằng kim loại, tổng chiều dài 47cm, cán dao làm bằng gỗ dài 17cm, trên cán dao có quân vải màu xám; lưỡi dao dài 30cm có một cạnh cùn và một cạnh sắc bén, nơi rộng nhất 07cm, nơi hẹp nhất 04cm. Trên lưỡi dao có in dòng chữ “MEDIA IN JAPAN”; 05 (năm) mảnh vỡ thủy tinh không rõ hình dạng; 01 (một) nón vải màu đen; 01 (một) mảnh vải thun bông màu trắng đỏ xám có kích thước 01m x 1,80m; 01 (một) áo sơ mi dài tay màu trắng, có sọc ngang màu vàng - đen, trên cổ áo có chữ “RM – 79”, trên vùng cổ áo có dính chất màu đỏ (nghỉ là máu); 01 (một) quần dài bằng vải thun màu đen, phía trước bên trái có dòng chữ “Jeanswest”.

[9] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo T phải nộp 2.785.525 đồng (55.710.512 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Đồng thời, tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại Đặng Phi T đã rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với bị cáo Đặng Trung H trong vụ Cố ý gây thương tích, cho nên Đặng Phi T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 155, Điều 299 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.
Đình chỉ vụ án hình sự về tội Cố ý gây thương tích đối với bị cáo H.

2. Tuyên bố bị cáo T phạm tội “Giết người”.

Áp dụng điểm e, n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 15, khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo T 13 (mười ba) năm tù.

3. Tuyên bố bị cáo T phạm tội “Cố ý gây thương tích”

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo T 06 (sáu) năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội:

Tổng cộng hình phạt của hai tội bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung là 19 (mười chín) năm tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 02/12/2022.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1, 2 Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện giữa bị cáo T bồi thường thiệt hại tiếp cho bị hại Q 56.710.512 đồng, bao gồm chi phí điều trị 5.310.512 đồng; tiền ăn của người bệnh, tiền công lao động người nuôi bệnh 1.400.000 đồng và tiền bù đắp tổn thất tinh thần 50.000.000 đồng. Bị cáo T đồng ý bồi thường, đã tác động gia đình khắc phục cho bị hại Q 1.000.000 đồng, bồi thường tiếp 55.710.512 đồng.

Buộc bị cáo T có trách nhiệm bồi thường tiếp cho bị hại Q 55.710.512 đồng, (năm mươi lăm triệu bảy trăm mười nghìn năm trăm mười hai đồng).

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao tự chế bằng kim loại, tổng chiều dài 47cm, cán dao làm bằng gỗ dài 17cm, trên cán dao có quấn vải màu xám; lưỡi dao dài 30cm có một cạnh cùn và một cạnh sắc bén, nơi rộng nhất 07cm, nơi hẹp nhất 04cm. Trên lưỡi dao có in dòng chữ “MEDIA IN JAPAN”; 05 (năm) mảnh vỡ thủy tinh không rõ hình dạng; 01 (một) nón vải màu đen; 01 (một) mảnh vải thun bông màu trắng đỏ xam có kích thước 01m x 1,80m; 01 (một) áo sơ mi dài tay màu trắng, có sọc ngang màu vàng - đen, trên cổ áo có chữ “RM – 79”, trên vùng cổ áo có dính chất màu đỏ (nghỉ là máu); 01 (một) quần dài bằng vải thun màu đen, phía trước bên trái có dòng chữ “Jeanswestt”.

(Hiện các vật chứng trên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu đang quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04/5/2023).

7. Về án phí: Áp dụng khoản 2, 3 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, b khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo T phải nộp 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Án phí dân sự có giá ngạch bị cáo T phải nộp 2.785.525 đồng (hai triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo và người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người tham gia tố tụng khác vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh (01b);
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh (01b);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02b);
- CQĐT Công an tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Sở Tư Pháp (01b);
- Bị cáo (02b);
- Luật sư (01b);
- Bị hại (01b);
- TGV (01b);
- NLQ (01b);
- Lưu.

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hương